

Số: 844/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 21 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Nhà máy may công nghệ cao”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 666/STNMT-CCBVMT ngày 31/03/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy may công nghệ cao”;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 162/TTr-STNMT ngày 19/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy may công nghệ cao” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Đệ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Đệ có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Tiên Hải; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan và Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Đệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Hoàn



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy may công nghệ cao.
- Chủ dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Đệ.

Địa chỉ: Số 68, phố Huế, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

Công suất thiết kế (năm kinh doanh ổn định): 4.000.000 sản phẩm/năm; bao gồm:

- + Áo Jacket 3 lớp: 800.000 sản phẩm/năm.
- + Áo Jacket 2 lớp: 1.000.000 sản phẩm/năm.
- + Áo Jacket 1 lớp: 1.200.000 sản phẩm/năm.
- + Quần dài 3 lớp: 600.000 sản phẩm/năm.
- + Quần dài 2 lớp: 200.000 sản phẩm/năm.
- + Quần dài 1 lớp: 200.000 sản phẩm/năm.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 93.678,2 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

Các hạng mục công trình của Dự án: Nhà xưởng sản xuất (01 tầng): 29.922 m²; nhà điều hành (01 tầng): 2.762,5 m²; nhà chuyên gia (03 tầng): 270 m²; nhà ăn ca (01 tầng): 4.503 m²; nhà kho (01 tầng): 6.800 m²; khu xử lý nước thải + nhà chứa rác: 195,3 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, san nền, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng, dưỡng hồ bê tông, làm mát thiết bị, rửa cốt liệu... khoảng 25,76 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng 1,8 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 247,4 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình bóc tách lớp đất hữu cơ, san nền; từ quá trình hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; từ quá trình hàn kết cấu nhà máy.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện; từ phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, sản phẩm; bụi từ quá trình cắt may.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ công nhân trên công trường khoảng 25 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ công nhân viên khoảng 2.450 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn từ bóc tách lớp đất hữu cơ bề mặt khoảng 26.459 m³; chất thải rắn xây dựng gồm gạch vỡ, vữa thải, vỏ bao bì, nilon... khoảng 100 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn cặn từ xử lý nước thải sinh hoạt (cặn bể tự hoại) phát sinh khoảng 2,26 m³/ngày đêm; chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm vải vụn thừa, vải, chỉ hỏng; vỏ bao PP, dây buộc, dây kiện, nilon,... phát sinh khoảng 11,81 tấn/tháng.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Khối lượng khoảng 25 kg/tháng, gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy thải, bao bì thải, que hàn thải.

+ Giai đoạn vận hành: Khối lượng khoảng 316,7 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, mực in hộp mực in thải, dầu mỡ thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

+ Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận chuyển.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải từ thi công xây dựng: Sử dụng hồ lắng tạm thời để lắng cặn đất cát xuống đáy bể, phần nước trong được tái sử dụng vào các mục đích như rửa xe, máy móc, nước tưới đường đập bụi và không thải ra môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động có bồn chứa nước thải, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước mưa chảy tràn: Rãnh ngầm BTCT kích thước B400 x H600 chiều dài 307 m, rãnh ngầm BTCT kích thước B600 x H800 chiều dài 658 m, rãnh ngầm BTCT kích thước B800 x H1000 chiều dài 424 m, 58 hố ga, thoát ra kênh Cửa Hàng thông qua 02 cửa xả.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách mỡ, nước thải được thu gom theo đường ống HDPE D300 chiều dài 850 m, đường ống HDPE D400 chiều dài 296 m; sau đó chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, nước thải sau xử lý xả theo đường ống uPVC D200 chiều 119 m ra kênh Cửa Hàng; tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2258268$, $Y(m) = 602844$ qua 01 cửa xả.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (được thiết kế cụm bể xử lý sinh học bao gồm 02 modul, mỗi modul gồm 01 bể xử lý sinh học thiếu khí và 01 bể xử lý sinh học hiếu khí, các modul được hoạt động luân phiên 01 modul vận hành, 01 modul dự phòng; đảm bảo khi có sự cố 1 modul ngừng hoạt động, sẽ sử dụng modul còn lại; xử lý đạt QCVN 14:2008 cột A giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể kiểm chứng → kênh Cửa Hàng.

+ Quy mô các hạng mục công trình:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung (kích thước Dài x Rộng x Cao (m)): Bể gom (2,5 x 2,5 x 4,0), Bể điều hòa (4,2 x 6,75 x 4,0), 02 Bể thiếu khí (kích thước mỗi bể: 2,0 x 3,25 x 4,0), 02 Bể hiếu khí (kích thước mỗi bể: 4,0 x 3,25 x 4,0), Bể lắng (3,9 x 3,9 x 4,0), Bể trung gian (2,5 x 2,05 x 4,0), 02 Cột lọc áp lực (kích thước mỗi cột: Dài 0,78 m, Cao 2,15m), Bể khử trùng (2,5 x 1,6 x 4,0), Bể kiểm chứng (2,5 x 6,95 x 3,0), Bể chứa bùn (6,65 x 2,6 x 4,0).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Che chắn xung quanh khu vực thi công và phương tiện vận chuyển; kiểm soát phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công; tưới ẩm hạn chế phát sinh bụi khi thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Phương tiện vận chuyển được kiểm định; thường xuyên vệ sinh nhà máy, sân đường nội bộ; tăng cường trồng cây xanh xung quanh bên ngoài.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường địa phương vận chuyển, xử lý; đất hữu cơ được tận dụng để đắp đất cho diện tích đất trồng cây; chất thải rắn xây dựng thu gom, tập kết tạm thời tại khu đất dự án, chất thải như: gạch vỡ, cát, sỏi đá thừa sẽ được tái sử dụng làm nền móng; vật liệu như sắt thép vụn, tấm tôn, vỏ bao xi măng, cốp pha hỏng được thu gom, bán tái chế; phần còn lại không tái sử dụng được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại vào các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp bao gồm chỉ, vải vụn thừa; vải, chỉ hỏng; vỏ bao PP, dây buộc, dây kiện, nilon được thu gom, bán tái chế; phần không tái sử dụng được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 20 m², chiều cao 3 m; kho lưu giữ thiết kế bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Lắp thêm đệm cao su và lò xo chống rung cho máy móc; thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị; tăng cường trồng cây xanh.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 điểm tại khu đất thực hiện dự án.

+ Tần suất: 6 tháng/lần hoặc đột xuất khi có sự cố.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Thực hiện giám sát nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.3. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008 cột A giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

THAI